

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 454/2020/HC-PT

Ngày: 26 - 8 - 2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 388/2019/TLPT-HC ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2019/HCST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2106/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 07 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942.

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn Nh, sinh năm 1970.

Địa chỉ: khu phố H1, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Minh Q - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Văn M - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường P1, phường P2, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Địa chỉ khu phố H2, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H – Chủ tịch. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân huyện Đ: Ông Lê Minh Tr. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim Ph - Chủ tịch UBND thị trấn P. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

2/. Ông Nguyễn Văn H (Nh), sinh năm 1931.

Địa chỉ: khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

3/. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944.

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

4/. Bà Trần Thị X, sinh năm 1944.

Địa chỉ: ấp H3, thị trấn L2, huyện L3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

5/. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1947.

Địa chỉ: khu phố H4, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

6/. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu phố H4, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

7/. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1948.

Địa chỉ: khu phố H5, thị trấn L2, huyện L3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

8/. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: khu phố H6, thị trấn L2, huyện L3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

9/. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1965.

Địa chỉ: khu phố H7, thị trấn L2, huyện L3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

10/. Bà Nguyễn Thị Huyền Nh, sinh năm 1955.

Địa chỉ: lô 8 Khu phố Ch, phường Ch1, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị Huyền Nh: Ông Ngô Văn Nh, sinh năm 1970; Địa chỉ: khu phố H1, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất cho bà H đối với diện tích đất 267,3m², thuộc một phần thửa 55, tờ bản đồ số 47, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn C (Là ông nội bà H). Ông C có 4 người con là:

- Nguyễn Thị C, đã chết.
- Nguyễn Thị H1, đã chết.
- Nguyễn Văn C1, đã chết.
- Nguyễn Văn Ph, đã chết.

Diện tích đất 267,3m² do ông Nguyễn Văn C được chính quyền chế độ cũ cấp bằng khoán năm 1968, Trích lục địa bộ do Ty điền địa tỉnh PT cấp cho chú bà là ông Nguyễn Văn Ph vào ngày 25/4/1968, sổ địa bộ số 808, diện tích 420m², chủ đất là ông Nguyễn Văn C.

Trước năm 1968, ông C cho chú bà H là Nguyễn Văn Ph, sau đó đến trước năm 1975 ông Ph cho bà H và bà H quản lý diện tích đất này đến hiện nay. Vì là người trong gia đình nên việc cho tặng này chỉ bằng miệng, khi bà H được cho đất thì vị trí khu đất nằm sát trường học của chế độ cũ và không C tường xây bao để ngăn cách với trường học. Sau khi được cho đất thì bà H chỉ quản lý mà không sử dụng đất, vì bà H có nhà và đất ở gần khu đất được cho.

Từ trước năm 1975 đến 1980, gia đình bà H cho ông Trương Văn H, sau này là ông Trương Văn H1 (con ông H) cất nhà ở nhờ trên phần đất này.

Khi ông Trương Văn H đã chuyển nhà đi nơi khác, gia đình bà tiếp tục cho ông Nguyễn Văn C1 cất nhà ở nhờ trên phần đất này, đến năm 1994 thì gia đình bà làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, nên đề nghị gia đình ông C1 chuyển nhà sang phần đất khác để trả đất cho bà H.

Mặc dù gia đình bà H không sinh sống trên phần đất này nhưng gia đình bà vẫn quản lý liên tục từ trước đến giờ và chỉ cho người khác ở nhờ.

Ngày 23/01/1995, UBND xã P lập Tờ trình số 11/TT-UBX về việc giải quyết đất ở các trường học L, H8, H7 đã công nhận chủ quyền phần đất này là của gia đình bà H và đề nghị cấp trên cấp giấy chứng nhận chủ quyền cho gia đình bà H đối với diện tích 420m².

Năm 1997, UBND xã P tiến hành xây văn phòng khu phố L trên một phần đất này, gia đình bà H khiếu nại thì UBND xã đã đền bù phần diện tích đất xây văn phòng khu phố bằng một diện tích đất tại khu phố H1, thị trấn P. Phần diện tích đất còn lại gia đình bà H tiếp tục đề nghị UBND huyện L3 cấp GCNQSD đất.

Ngày 29/03/2011, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ mời gia đình bà H đến làm việc và yêu cầu gia đình bà trong thời hạn 10 ngày phải cung cấp Giấy ủy quyền của những người thừa kế của ông C; Đây là quy định gây khó khăn cho gia đình bà H vì thời hạn quá ngắn mà những người này đang sinh sống ở nhiều nơi, nên gia đình bà không Cung cấp kịp.

Ngày 18/05/2011, UBND huyện Đ ban hành Văn bản số 1534/UBND-TNMT về việc xếp hồ sơ khiếu nại có nêu nội dung: “Chỉ tiếp tục xem xét giải quyết khi ông Ngô Văn Nh cung cấp đầy đủ các văn bản theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn”.

Sau đó gia đình bà H cung cấp đầy đủ các giấy tờ theo yêu cầu của Phòng Tài nguyên và Môi Trường, nhưng vẫn không được trả lời.

Việc UBND xã P lập Tờ trình số 11/TT-UBX ngày 23/01/1995 và Phòng Tài nguyên và Môi trường yêu cầu cung cấp Giấy ủy quyền của những người thừa kế của ông C đã thể hiện việc thừa nhận đất này thuộc chủ quyền của gia đình bà từ trước đến giờ.

Năm 2015, bà H có đơn yêu cầu UBND huyện Đ giải quyết cấp GCNQSD đất 267,3m² đất tại khu phố L, thị trấn P, huyện Đ.

Ngày 27/04/2015, UBND huyện Đ ban hành văn bản số 1774/UBND-VP trả lời đơn của bà H, với nội dung bà H không cung cấp được tình tiết mới nên UBND huyện Đ không C cơ sở xem xét (văn bản số 1774).

Bà H không đồng ý nên khiếu nại hành vi hành chính của UBND huyện Đ tại văn bản số 1774 nêu trên.

Ngày 07/11/2016, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1841/QĐ-UBND có nội dung bác đơn bà H (Quyết định số 1841). Không đồng ý, bà H tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 06/03/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 625/QĐ-UBND (Quyết định số 625) với nội dung: Bác đơn của bà H khiếu nại văn bản số 1774 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1841 về yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 267,3m² đất thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 47, thị trấn P, huyện Đ cho bà H. Giữ nguyên nội dung văn bản số 1774 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1841.

Vì vậy bà H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết:

- Hủy Quyết định số 625; Hủy Quyết định số 1841; Hủy Công văn số

5709; Hủy Công văn số 1774;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 267,3m², thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 47, thị trấn P, huyện Đ.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày tại Văn bản số 11493/UBND-VP ngày 09/11/2018 như sau:

Trích lục địa bộ do Ty Địa địa tỉnh PT cấp cho ông Nguyễn Văn Thích ngày 25/4/1968, số địa bộ 808, diện tích 420m², chủ đất là ông Nguyễn Văn C, đây không phải là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 15 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; đồng thời, cũng không C cơ sở xác định diện tích bà H yêu cầu cấp GCNQSD đất thuộc Trích lục địa bộ trên; hơn nữa bà H không phải là người đang sử dụng đất, không nộp thuế sử dụng đất hàng năm, không C giấy tờ chứng minh ông Nguyễn Văn C chuyển giao khu đất cho bà H được quyền sử dụng. Căn cứ Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 thì bà H không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất.

Thực tế khu đất đang do UBND thị trấn P, huyện Đ quản lý sử dụng và đứng tên trong sổ mục kê; Vì vậy, UBND huyện Đ ban hành công văn số 1774 và Quyết định số 1841 bác khiếu nại và yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là đúng quy định pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

- + Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H;
- + Giữ nguyên nội dung Quyết định Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày tại văn bản số 2162/UBND-VP ngày 28/3/2019 như sau:

Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị H và Công văn số 1774/UBND-PTNMT ngày 27/04/2015 của UBND huyện Đ giải quyết đơn xin cấp GCNQSD đất của bà H; được ban hành đúng pháp luật.

Bà H khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 267,3m², thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 47, thị trấn P cho bà H là không C căn cứ pháp luật.

Về qui hoạch sử dụng đất của diện tích 267,3m², thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 47, thị trấn P là đất trụ sở cơ quan.

Ủy ban nhân dân huyện Đ có ý kiến và cung cấp tài liệu kèm theo để Tòa án xem xét.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn P trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân thị trấn P đã cung cấp toàn bộ tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị X, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị Th đều trình bày: Các ông bà không tranh chấp đất này, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị Huyền Nh trình bày: Bà đồng ý nội dung khởi kiện của bà H.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn C1 trình bày:

Năm 1977 bà H cho ông mượn đất và cất nhà ở trên đất, việc bà H cho ông mượn đất không C giấy tờ, hai bên chỉ nói miệng. Khi ông mượn đất để làm nhà thì trường học đã ngừng hoạt động, chỉ có một số gia đình vẫn sử dụng và ở trong trường học. Căn nhà khi đó khoảng 25m², có kết cấu mái lợp tôn, vách lá, nền đất, ông chỉ dựng nhà để ở. Khi ông dựng nhà trên đất thì không C ai tranh chấp, chính quyền địa phương không C ý kiến gì. Ngoài ra ông không trồng cây hay canh tác gì khác. Khi đó gia đình bà H cách khu đất ông dựng nhà ở nhờ khoảng 100m, do đó bà H thường xuyên đến khu đất ông ở. Đến năm 1994 ông chuyển đến chỗ ở mới và tháo dỡ nhà tôn, trả lại đất cho bà H.

Hiện nay, bà H đề nghị được cấp GCNQSD đất đối với diện tích 267,3m² thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 47 tọa lạc tại khu phố L, thị trấn P - trước đây bà H cho ông ở nhờ, thì ông không C ý kiến gì, đề nghị Tòa căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

Người làm chứng ông Trương Văn H1 (Mừng) trình bày tại biên bản xác minh ngày 13/9/2016 của Thanh tra huyện Đ như sau:

Trước năm 1975 cha mẹ ông cất nhà sinh sống, đến năm 1980 mới chuyển đi nơi khác. Nguồn gốc đất trước khi cất nhà là đất trống. Sau này ông H1 quay lại sinh sống thì bà H cho rằng cha của ông đã bán cho bà H, nhưng bà H không C giấy tờ chứng minh. Khi gia đình ông dời đi thì ông C1 đến cất nhà, khi gia đình ông C1 đi nơi khác thì để lại đất trống.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2019/HC-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy các quyết định và văn bản sau: Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 06/03/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; Công văn số 5709/UBND-VP ngày 15/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H; Công văn số 1774/UBND-PTNMT ngày 27/04/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H.

Không chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 267,3m² thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 47 thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 02/5/2019, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Chủ tịch UBND huyện Đ, UBND huyện Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 06/03/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 1841/QĐ- UBND ngày 07/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; Công văn số 5709/UBND-VP ngày 15/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công văn số 1774/UBND-PTNMT ngày 27/04/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ và yêu cầu buộc UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với diện tích 267,3m² thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 47 thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Nguyễn Thị H cho rằng phần diện tích đất 267,3m² thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 47 thị trấn P bà khiếu nại yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn C (ông nội bà H), được chế độ cũ cấp bằng khoán năm 1968, sau đó ngày 25/4/1968 Ty điền địa tỉnh PT cấp quyền sử dụng cho ông Nguyễn Văn Ph (chú của bà H), sổ địa bộ số 808, diện tích 420m². Tuy nhiên, diện tích đất theo bằng khoán và sổ địa bộ nêu trên có vị trí tứ cận và diện tích khác với vị trí, diện tích đất bà H khiếu nại yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà H cho rằng diện tích đất trên ông C cho ông Ph sử dụng, năm 1975 ông Ph cho lại bà H nhưng không Cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, từ năm 1975 đến nay (thời điểm bà H khai ông Ph tặng cho bà quyền sử dụng đất), bà H không trực tiếp sử dụng đất, không thực hiện việc đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

Ông Nguyễn Văn C1 khai ông được bà H cho mượn đất cất nhà ở từ năm 1977; đến năm 1994 ông trả lại cho bà H và dỡ nhà đi thì để lại đất trống cho đến nay. Việc ông C1 khai mượn đất của bà H không C chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, ông Trương Văn H1 cũng là những người có quá trình sống trên đất khai diện tích đất trên cha mẹ ông cất nhà ở từ trước năm 1975, đến năm 1980 thì chuyển đi nơi khác sinh sống; nguồn gốc đất trước khi cất nhà là đất trống.

Ngoài ra, diện tích đất bà H khiếu nại đã được UBND thị trấn P quản lý, thể hiện tại sổ mục kê năm 1988 và 2006, UBND thị trấn P là người đứng tên đăng ký kê khai. Hiện nay đất đã được đưa vào quy hoạch để xây dựng trụ sở cơ quan.

Bà Nguyễn Thị H khiếu nại yêu cầu UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất diện tích 267,3m² thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 47 thị trấn P cho bà là không C cơ sở chấp nhận. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết khiếu nại bác yêu cầu khiếu nại của bà H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị H không C cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không C kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 99, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2019/HC-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy các quyết định và văn bản sau: Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 06/03/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; Công văn số 5709/UBND-VP ngày 15/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H; Công văn số 1774/UBND-PTNMT ngày 27/04/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H.

Không chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 267,3m² thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 47 thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không C kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Nhựt Bình

Phạm Trí Tuấn

Hoàng Thanh Dũng